Học vần

Bài 2. cà cá

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.

- Viết đúng các tiếng cà, cá (trên bảng con)

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ để HS làm BT 5

- Bảng con, phấn (bút dạ) để HS làm BT6 (tập viết)

- Vở Bài tập Tiếng Việt 1, tập một .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3’** | **1. Khởi động** |  |
|  | Giáo viên trình chiếu phần khởi động  “ Trò chơi :Ăn khế trả vàng ” yêu cầu HS thực hiện | - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của cô giáo |
|  | + GV cho học sinh nhận xét |  |
| **30’** | **2. Dạy bài mới** |  |
| **1’** | **2.1Giới thiệu bài** |  |
|  | + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ làm quen với 2 thanh của tiếng Việt là thanh huyền và thanh sắc; học đọc tiếng có thanh huyền, thanh sắc.  + GV ghi chữ cà, nói: cà  + GV ghi chữ cá, nói: cá | - Lắng nghe  - 4-5 em, cả lớp : “cà”  - Cá nhân, cả lớp : “cá” |
| **15’** | **2.2. Chia sẻ và khám phá**  Mục tiêu:  - Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.  - Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá |  |
|  | **a. Dạy tiếng cà** |  |
|  | **a.1. Chia sẻ( Bài tập 1: Làm quen)**  - GV cho HS xem quả cà tím | - HS quan sát |
|  | - Đây là quả gì?  - GV viết lên bảng tiếng **cà**  - GV chỉ tiếng **cà** | - HS : Đây là quả cà.  - HS nhận biết tiếng **cà**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cà** |
|  | **a.2.Khám phá( Bài tập 2: đánh vần)** |  |
|  | ***\* Phân tích tiếng cà*** |  |
|  | + GV che dấu huyền ở tiếng **cà** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** |
|  | - GV chỉ vào chữ **cà,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền  - GV đọc : **cà**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cà** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại | - Cos thêm dấu “gạch ngang” trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : **cà**  - Tiếng **cà** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a.  - HS cả lớp nhắc lại |
|  | ***\* Đánh vần tiếng cà***  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***cà***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***huyền***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***cà***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-huyền-cà***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn. | - HS: Ca- huyền- cà  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-huyền-cà***  - Cả lớp đánh vần: ***ca-huyền-cà.***  - Lắng nghe |
|  | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cà**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **cà** | | **c-a-ca-huyền-cà** | | **c** | **à** | |  |
|  | - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-huyền-cà** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-huyền-cà** |
|  | **b. Dạy tiếng cá** |  |
|  | **b.1Chia sẻ( Bài tập 1: Làm quen)**  - GV đưa tranh con cá lên bảng. | - HS quan sát |
|  | - Đây là con gì?  - GV viết lên bảng tiếng cá  - GV chỉ tiếng cá | - HS : Đây là con cá  - HS nhận biết tiếng **cá**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cá** |
|  | **b.2.Khám phá( Bài tập 2: đánh vần)**  \* Phân tích |  |
|  | + GV che dấu huyền ở tiếng cá rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** |
|  | - GV chỉ vào chữ cá, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc  - GV đọc : cá  - GV chỉ tiếng cà kết hợp hỏi: Tiếng cá gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại  - GV: Tiếng cá khác tiếng cà ở thanh gì? | - Có thêm dấu trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : **cá**  - Tiếng **cá** gồm có âm **c** và âm **a**. Âm **c** đứng trước, âm **a** đứng sau, dấu sắc đặt trên **a**.  - HS cả lớp nhắc lại  - Tiếng **cá** có thanh sắc, tiếng **cà** có thanh huyền. |
|  | \* Đánh vần.  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng ca: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu sắc, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : cá  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ca  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: sắc  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: cá.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ca-sắc-cá  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cá làm một cho gọn. | - HS: Ca- sắc- cá  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ca-sắc-cá  - Cả lớp đánh vần: ca-sắc-cá.  - Lắng nghe |
|  | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **cá** | | **c-a-ca-sắc-cá** | | **c** | **á** | |  |
|  | - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-sắc-cá** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-sắc-cá** |
|  | ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học dấu mới là dấu gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **cà, cá** | - Dấu huyền, dấu sắc  - Tiếng **cà, cá**  - HS đánh vần, đọc trơn : **c-a-ca-huyền-cà, c-a-ca-sắc-cá.** |
| **20’** | **3. Luyện tập** |  |
|  | **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh huyền?)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 8 (GV giơ sách mở trang 8 cho HS quan sát) rồi nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh huyền; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh huyền. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 8. |
|  | b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: cò, bò, nhà, thỏ, nho, gà  - HS lần lượt nói một vài vòng |
|  | d. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to : cò  + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói to: bò  + HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: nhà  + HS1 chỉ hình 4- HS2 nói nhỏ: thỏ  + HS1 chỉ hình 5- HS2 nói nhỏ: nho  + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: gà |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh huyền(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (bà, già, xò,...) |
|  | 3**.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh sắc?)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 9 (GV giơ sách mở trang 9 cho HS quan sát) rồi vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh sắc. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 9. |
|  | b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: bé, lá, cú, hổ, bóng, chó  - HS lần lượt nói một vài vòng |
|  | d. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói : bé  + HS1 chỉ hình 2- HS2 vỗ tay nói: lá  + HS1 chỉ hình 3- HS2 vỗ tay nói: cú  + HS1 chỉ hình 4- HS2 không vỗ tay nói: hổ  + HS1 chỉ hình 5- HS2 vỗ tay nói: bóng  + HS1 chỉ hình 6- HS2 vỗ tay nói: chó |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh sắc(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (cháo, đá, táo,...) |
|  | **3.3. Ghép chữ.** |  |
|  | - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học: cà, cá | - 3-4 HS nhắc lại |
|  | - GV cho HS làm bài cá nhân  - GV yêu cầu HS giơ bảng cài- GV kiểm tra | - HS lần lượt ghép tiếng cà, tiếng cá/.  - HS giơ bảng sau mỗi lần cài |
|  | - GV nhận xét. |  |
|  | **HẾT TIẾT 1** | |
|  | **3.4. Tìm hình ứng với mỗi tiếng (Bài tập 5)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập : GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì.  - GV gọi 1 HS đọc  - Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ cà, cá, ca dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (vở BT). | - Học sinh theo dõi.  - HS đọc : cà, cá, ca  - Theo dõi |
|  | b. Thực hiện yêu cầu.  - GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc  - GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc.  - GV cho HS làm bài vào vở BT | - HS (cá nhân, tổ, lớp) đọc: cà, cá, ca  - HS cả lớp đọc  - Làm bài cá nhân |
|  | d. Báo cáo kết quả.  - GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh;  - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình.  - GV cho cả lớp đọc lại kết quả | - HS quan sát và lắng nghe cách làm.  - 2 HS lên thi gắn chữ với hình  + HS chỉ từng chữ, nói kết quả:  Hình 1-ca; Hình 2-cá; Hình 3-cà.  - HS đọc 2 lần |
|  | **3.5. Tập viết (Bảng con – BT 6)** |  |
|  | - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 6 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) : cà, cá |
|  | **a. Chuẩn bị.** |  |
|  | - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV |
|  | **b. Làm mẫu** |  |
|  | - Cho HS xem quy trình viết trên sách mềm và HS viết trên khoảng không  - GV hướng dẫn cách viết: | - HS viết chữ cà, cá lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS quan sát |
|  | + Dấu huyền: Nét xiên trái ngắn. Dấu sắc: viết nét xiên phải ngắn. Độ nghiêng của các dấu vừa phải; vị trí hai dấu đề nằm trong khoảng cách giữa ĐK 3 và ĐK 4. | + Theo dõi viết mẫu |
|  | + Tiếng cà : Viết chữ c (nét cong trái, cao 2 li); sau đó viết chữ a (2 li); đánh dấu huyền (nét xiên trái ngắn) trên chữ a. Chú ý nét nối giữa chữ c và a. | - HS theo dõi |
|  | + Tiếng cá: viết chữ c trước chữ a sau, dấu sắc (nét xiên phải ngắn) trên chữ a. Chú ý nối giữa chữ c với chữ a. | - HS theo dõi |
|  | **c. Thực hành viết**  GV viết mẫu: **cà, cá**    **cà cà**. **cà cà**  cc    **cá cá** **cá cá**  cc    - Cho học sinh viết cà, cá | - -HS quan sát    **cà cà**. **cà cà**  cc    **cá cá**. **cá cá**  cc    - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ cà, cá từ 2-3 lần. |
|  | **d. Báo cáo kết quả**  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS viết đúng đẹp giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét |
| **2’** | **4.Hoạt động vận dụng** |  |
|  | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - GV khuyến khích HS tập viết chữ cà, cá trên bảng con | - Lắng nghe |

**IV.** Điều chỉnh sau bài dạy